

Số: 739/TB-YHCT

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
MỜI BÁO GIÁ CUNG CẤP THUỐC CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN

Kính gửi: Các nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên có nhu cầu mua thuốc phục vụ cho hoạt động của nhà thuốc của Bệnh viện.

Bệnh viện kính mời các đơn vị quan tâm và có đủ khả năng cung cấp thuốc theo danh mục đính kèm.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên.

Địa chỉ: Tổ 9 - Đường Quang Trung - Phường Quyết Thắng - tỉnh Thái Nguyên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Vũ Thị Hương Giang

Chức vụ: Nhân viên phòng Tổ chức - Hành chính

Số điện thoại: 0208 3846014

Địa chỉ email: bvyhcttn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận qua đường bưu điện tại địa chỉ: Văn thư, Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên, Tổ 9 - Đường Quang Trung - Phường Quyết Thắng - tỉnh Thái Nguyên (đối với trường hợp gửi bưu điện, Bệnh viện nhận được báo giá phải trong thời hạn tiếp nhận báo giá).

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư, Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên. Tổ 9 - Đường Quang Trung - Phường Quyết Thắng - tỉnh Thái Nguyên.

- Nhận qua email: Để thuận tiện cho việc tiếp nhận báo giá được nhanh chóng, đề nghị các đơn vị báo giá vui lòng gửi bản scan báo giá đến địa chỉ email: bvyhcttn@gmail.com. Bản cứng (có đóng dấu) các đơn vị báo giá cần gửi theo hai cách thức trên.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 7h giờ 30 phút ngày 17 tháng 12 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 29 tháng 12 năm 2025.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa: (Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển: Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa, cung cấp dịch vụ đến địa điểm tại Nhà thuốc Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm nêu trên, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.

3. Thời gian thực hiện dự kiến: 12 tháng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

+ Tạm ứng: Không thực hiện.

+ Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi nhà thầu đã giao đủ hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật).

- Số lần thanh toán: Thanh toán thành một đợt hoặc nhiều đợt theo tiến độ giao hàng và kết quả nghiệm thu dịch vụ.

5. Các thông tin khác: Không

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KHTH (để đăng tải);
- Lưu VT, KD, TCKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thanh Bình

PHỤ LỤC
DANH MỤC THUỐC

(Kèm theo Thông báo số 739 /TB-YHCT ngày 16 /12/2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
1.	Acetylleucine	500mg/5ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiêm	1	Ống
2.	Acid alendronic (dưới dạng Natri alendronat) 70mg, Vitamin D3 1 MIU/g 5,6 mg (tương đương với Vitamin D3 (colecalfiferol) 5600 IU)	70mg; 5600IU	Viên nén	Uống	4	Viên
3.	Acid amin + glucose + lipid (*)	(8% 150ml + 16% 150ml+ 20% 75ml)/ Túi 375ml	Nhũ tương tiêm truyền	Tiêm truyền	2	Túi
4.	Acyclovir	800mg	Viên nén	Uống	1	Viên
5.	Alphachymotripsin	21microkatal	Viên nén	Uống	1	Viên
6.	Ambroxol	30mg	Viên nén	Uống	3	Viên
7.	Ambroxol hydrochlorid	0,9g/ 150 ml	Siro	Uống	2	Lọ
8.	Amoxicilin (dưới dạng Amoxcilin trihydrat); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat + cellulose vi tinh thể tỷ lệ 1:1)	1000 mg; 62,5 mg	Viên nén bao phim	Uống	4	Viên
9.	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Viên nén	Uống	BDG	Viên
10.	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	Viên nén	Uống	1	Viên
11.	Bạch cập + Bạch thược + Bạch truật + Cam thảo + Nhân sâm + Hoàng liên + Mộc hương + Hương phụ + Ô tặc cốt	0,5g + 0,5g + 0,5g + 0,1g + 2,0g + 2,0g + 1,0g + 0,5g + 2,0g	Thuốc bột	Uống	3	Gói
12.	Bacillus subtilis	1,000,000-10,000,000 CFU	Thuốc bột uống	Uống	4	Gói
13.	Betahistine dihydrochloride	24mg	Viên nén	Uống	1	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
14.	Betamethasone (Betamethasone dipropionate) + Betamethasone (dưới dạng Betamethasone disodium phosphate)	5mg/ml + 2mg/ml	Hỗn dịch để tiêm	Tiêm	1	Ống
15.	Bột chiết bèo hoa dâu (tương đương với 7,2g dược liệu) 500mg	500mg	Viên nang cứng	Uống	3	Viên
16.	Bột dịch chiết cây kế sữa (tương đương silymarin)	280mg (140mg)	Viên nang cứng	Uống	4	Viên
17.	Bột Thổ miết trùng; Cao nhân sâm; Cao hỗn hợp các dược liệu Sơn thù nhục, Đan sâm, Hoàng liên, Nam ngũ vị tử, Cam tùng; Cao hỗn hợp các dược liệu Mạch môn đông, Toan táo nhân, Long cốt, Xích thực, Tang ký sinh	75mg + 89mg + 224mg + 224mg + 45mg + 67mg + 89mg + 112mg + 186mg + 149mg + 89mg + 186mg	Viên nang cứng	Uống	4	Viên
18.	Bromelain	20 mg (tương đương 100 F.I.P)	Viên bao tan trong ruột	Uống	4	Viên
19.	Calci carbonat (tương đương 600mg Calci) + Mangan sulfat (tương đương 1,8mg Mangan) + Magnesi oxid (tương đương 40mg Magnesi) + Kẽm oxid (tương đương 7,5mg Kẽm) + Đồng (II) oxid (tương đương 1mg Đồng) + Cholecalciferol (vitamin D3) (loại 100 000 IU/g, tương đương 200 IU Cholecalciferol) + Natri borat (tương đương 250µg Boron)	1500mg + 6,65mg + 80mg + 11,2mg + 1,5mg + 3,0mg + 4,0mg	Quy cách	Uống	5	Viên
20.	Calcitonin cá hồi tổng hợp	50IU/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	1	Ống
21.	Cao bạch quả (Ginkgo biloba extract) 40mg; Vitamin B1 (Thiamin Nitrat) 10mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 5mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 5mg; Vitamin PP (Nicotinamid) 10mg	40mg; 10mg; 5mg; 5mg; 10mg	Hộp 5 Ống	Uống	4	Viên
22.	Cao hỗn hợp: Ngưu nhĩ phong, La liễu	20g, 10g	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	4	Gói
23.	Cefditoren	200mg	Viên nén phân tán	Uống	4	Viên
24.	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Viên nén bao phim	Uống	1	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
25.	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Viên nén bao phim	Uống	BDG	Viên
26.	Celecoxib	200mg	Viên nang cứng	Uống	1	Viên
27.	Cholin alfoscerat	400mg	Viên nang mềm	Uống	2	Viên
28.	Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 1000 mg	1000mg/4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	2	Ống
29.	Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 500mg/2ml	500mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	5	Ống
30.	Clarithromycin	125mg/5ml/Hộp 60ml	Cốm pha hỗn dịch uống	Uống	5	Lọ
31.	Đan sâm; huyền sâm; đương quy; Viễn chí; toan táo nhân; bá tử nhân ; bạch linh ;đảng sâm; cát cánh; ngũ vị tử; mạch môn, chu sa ; thiên môn đông; sinh địa	0,07g; 0,07g; 0,28g;0,07g; 0,28g;0,07g; 0,07g;0,07g; 0,07g;0,14g; 0,28g; 28mg; 0,28g;0,56g.	Viên hoàn cứng	Uống	3	Gói
32.	Dextromethorphan hydrobromid	7,5mg/5ml x 5ml	Siro	Uống	4	Gói
33.	Diclofenac diethylamine	1,16g/100g	Gel bôi ngoài da	Ngoài da	1	Tuýp
34.	Diclofenac natri 1g	1g/25g	Dung dịch xịt ngoài da	Xịt ngoài da	1	Chai
35.	Esomeprazol (dưới dạng vi hạt esomeprazol maggesi dihydrat)	40mg	Viên nang cứng	Uống	3	Viên
36.	Esomeprazol magnesium + tinidazol + clarithromycin	40mg + 500mg + 500mg	Viên nén	Uống	5	Kit
37.	Esomeprazole natri	42,5mg (tương đương với esomeprazol 40mg)	Viên nén kháng dịch dạ dày	Uống	BDG	Lọ
38.	Etoricoxib	60mg	Viên nén bao phim	Uống	BDG	Viên
39.	Ezetimib 10mg; Rosuvastatin 10mg	10mg; 10mg	Viên nén bao phim	Uống	4	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
40.	Fenofibrat	145 mg	Viên nén bao phim	Uống	2	Viên
41.	Fenofibrat (dưới dạng fenofibrate nanoparticules)	145mg	Viên nén bao phim	Uống	BDG	Viên
42.	Gabapentin	300mg	Viên nang cứng	Uống	BDG	Viên
43.	Ginkgo biloba	80mg	Viên nang cứng	Uống	1	Viên
44.	Gliclazide	30mg	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Uống	BDG	Viên
45.	Glucosamin sulfat kali clorid + Chondroitin sulfat natri	750mg + 300mg	Viên nén bao phim	Uống	4	Viên
46.	Human Albumin	200g/l	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	1	Chai
47.	Levodopa, Benserazide	200mg; 50mg	Viên nén	Uống	1	Viên
48.	L-Ornithin - L-aspartat	400mg	Viên nang mềm	Uống	4	Viên
49.	Mecobalamin	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm,	Tiêm	2	Ống
50.	Mecobalamin	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	1	Ống
51.	Meloxicam	7,5mg	Viên nén phân tán tại miệng	Uống	1	Viên
52.	Methocarbamol 750mg	750mg	Viên nén bao phim	Uống	2	Viên
53.	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	40mg	Bột pha tiêm	Tiêm/Tiêm truyền	1	Lọ
54.	Metoprolol succinat (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol)	23,75mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	1	Viên
55.	Mỗi 7,5 ml chứa: Calci (dưới dạng calci lactat pentahydrat); Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin B6; Vitamin D3; Vitamin E; Vitamin PP; Vitamin B5; Lysin HCl	(65 mg, 1,5 mg, 1,75 mg, 3,0 mg, 200 IU, 7,5 IU, 10 mg, 5 mg, 150 mg)/7.5ml	Siro	Uống	4	Ống

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
56.	Mỗi gói 15g chứa Magnesium hydroxid 800,4mg; Aluminium hydroxide (dưới dạng dried Alumium hydroxyde gel) 612mg; Simethicon (dưới dạng Simethicon emulsion 30%) 80mg	800,4mg + 612mg + 80mg)/15g	Hỗn dịch uống	Uống	4	Gói
57.	Mỗi gói 2,6g chứa: Sucralfate 1000mg	1000mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Uống	4	Gói
58.	Mỗi ml chứa: Methylprednisolon acetat	40mg	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	BDG	Lọ
59.	Mỗi ống 10ml dung dịch chứa: Calci glucoheptonat 1100 mg; Vitamin C 100 mg; Vitamin PP 50 mg	1100mg; 100mg; 50mg	Dung dịch uống	Uống	4	Ống
60.	Mỗi tuýp 40g chứa: Bạc sulfadiazin 0,4g	400mg/40mg	Kem bôi ngoài da	Dùng ngoài	2	Tuýp
61.	Mỗi viên nang cứng chứa cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương Ba kích 60 mg; Hà thủ ô đỏ 58 mg; Bách hợp 60 mg; Nhân sâm 7,2 mg; Bạch linh 58 mg; Nhục thung dung 24 mg; Bạch truật 36 mg; Nhung hươu 2,4 mg; Cam thảo 5 mg; Hạt sen 88 mg; Thỏ ty tử 40 mg; Câu kỷ tử 40 mg; Thục địa 240 mg; Câu tích 30 mg; Trạch tả 30 mg; Hoài sơn 76 mg; Tục đoạn 58 mg; Đảng sâm 24 mg; Xuyên khung 30 mg; Đỗ trọng 24 mg; Viễn chí 16 mg; Đương quy 40 mg) 125 mg; Cao khô Lộc giác 28,8 mg	125mg 28,8mg	Viên nang cứng	uống	2	Viên
62.	Natri hyaluronat	20mg/2ml + 2ml	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Tiêm	2	Bơm tiêm
63.	Nhân sâm, Thủy điệt, Toàn yết, Xích thược, Thuyền thoái, Thổ miết trùng, Ngô Công, Đàn hương, Giáng hương, Nhũ hương, Toan táo nhân, Băng phiến	37,67mg + 71,06mg + 47,09mg + 32,53mg + 47,09mg + 47,09mg + 9,42mg + 15,41mg + 16,27mg + 15,41mg + 31,68mg + 9,42mg	Viên nang	Uống	4	Viên
64.	Nicorandil	5mg	Viên nén	Uống	2	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
65.	Omeprazol + Natri hydrocarbonat	40mg + 1680mg	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	5	Gói
66.	Omeprazol 20mg; Natri hydrocarbonat 1100mg	20mg ; 1100mg	Viên nang cứng	Uống	4	Viên
67.	Oseltamivir	75mg	Viên nang cứng	Uống	1	Viên
68.	Oxethazain + nhôm hydroxyd + Magnesium hydroxid	20mg + 582mg + 196mg	Hỗn dịch uống	Uống	4	Gói
69.	Paracetamol	500mg	Viên nén	Uống	4	Viên
70.	Paracetamol; Diphenhydramine hydrochloride; Phenylephrine hydrochloride	325mg + 25mg + 5mg	Viên nén bao phim	Uống	4	Viên
71.	Perindopril + Amlodipin	3,395mg+5 mg	Viên nén	Uống	1	Viên
72.	Perindopril + Indapamid + Amlodipin	3,395mg+1,25mg+5mg	Viên nén bao phim	Uống	1	Viên
73.	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril)	5mg	Viên nén bao phim	Uống	1	Viên
74.	Phân đoạn Flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90%; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10%	450mg + 50mg	Viên nén bao phim	Uống	1	Viên
75.	Phosphatidylserin	350mg	Viên nén bao phim	Uống	4	Viên
76.	Piracetam	1000mg/10ml	Dung dịch uống	Uống	4	Ống
77.	Piracetam	1,2g/3g	Bột pha hỗn dịch	Uống	1	Gói
78.	Piracetam 400mg; Vincamin 20mg	400mg; 20mg	Viên nang cứng	Uống	4	Viên
79.	Pravastatin	20mg	Viên nang cứng	Uống	4	Viên
80.	Pregabalin	75mg	Viên nang cứng	Uống	BDG	Viên
81.	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	Viên nén bao phim	Uống	1	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
82.	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Xịt theo đường miệng	BDG	Bình xịt
83.	Sắt nguyên tố (dưới dạng Polysaccharid Iron Complex)	150mg	Viên nang cứng	Uống	4	Viên
84.	Silymarin	400mg	Viên nén bao phim	Uống	4	Viên
85.	Thymomodulin	80mg	Viên nang cứng	Uống	2	Viên
86.	Triamcinolon acetonid	0,10g/100g, 1g	Thuốc mỡ	Dùng Ngoài	4	Gói
87.	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	Uống	1	Viên
88.	Ubidecarenon (Coenzym Q10)	50mg	Viên nang mềm	Uống	4	Viên
89.	Vinpocetin	5mg	Viên nén	Uống	1	Viên
90.	Vinpocetin	10mg	Viên nén	Uống	1	Viên
91.	Vitamin A (Retinyl palmitat); Vitamin D3 (cholecalciferol); Vitamin B1 (Thiamin nitrat); Vitamin B2 (Riboflavin); Vitamin B6 (Pyridoxin HCl); Vitamin B3 (Niacinamid); Vitamin B12 (Cyanocobalamin); Lysin hydrochlorid; Calci (dưới dạng Calci glycerophosphat); Sắt (dưới dạng sắt sulfat); Magnesi (dưới dạng magnesi gluconat)	1000IU; 270IU; 2mg; 2mg; 2mg; 8mg; 3mcg; 30mg; 20mg; 1,5mg; 1mg	Viên nang mềm	Uống	4	Viên
92.	Vitamin E, Vitamin C, Beta caroten 30% hỗn dịch, Kẽm oxid, Đồng oxid, Selen, Mangan Sulfat	200mg + 250mg + 10mg + 9,337mg + 1,252mg + 15µg + 4,613mg	Viên nang mềm	Uống	2	Viên
93.	Xuyên khung; Tần giao; Bạch chỉ; Đương quy; Mạch Môn; Hồng sâm; Ngõ thù du; Ngũ vị tử; Bãg phiến	2,4g; 2,4g; 2,4g; 2,4g; 1,6g; 2,4g; 1,6g; 2,4g; 0,08g	Viên hoàn cứng/Uống	Uống	4	Gói

HỒ SƠ CÔNG TY CUNG CẤP
(Kèm theo Thông báo số 739 /TB-YHCT ngày 16/12/2025
của Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên)

Hồ sơ cung cấp Công ty sắp xếp theo thứ tự lần lượt như sau:

I. Hồ sơ pháp lý công ty:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng)
2. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm tương ứng (bản sao công chứng)
3. Bản cam kết (Theo biểu mẫu đính kèm)
4. Giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc GSP (bản sao công chứng)
5. Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối nhà thuốc GDP (bản sao công chứng)
6. Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc GMP của cơ sở sản xuất (bản sao công chứng)

II. Hồ sơ sản phẩm

1. Báo giá công ty (Phụ lục 1)
2. Giấy phép lưu hành sản phẩm/ quyết định cấp đăng ký lưu hành/ Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký lưu hành. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho hoặc cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.
3. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) đối với thuốc nhập khẩu
4. Ủy quyền của nhà phân phối hoặc hãng sản xuất đối mặt hàng báo giá
5. Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam được Cục Quản lý dược đóng dấu hoặc cam kết của công ty sản xuất hoặc công ty đăng ký về việc Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng phù hợp với hồ sơ đăng ký đã nộp lại tại Cục Quản lý Dược.

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 739 /TB-YHCT ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện YHCT Thái Nguyên)

Tên Đơn vị cung cấp
Người liên hệ: Số điện thoại:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện YHCT Thái Nguyên

Công ty..... kính gửi bệnh viện báo giá sản phẩm công ty có khả năng cung cấp Bệnh viện. Cụ thể như sau:

Stt	Tên hoạt chất theo GPLHSP	Tên thuốc theo GPLHSP	Nồng độ - hàm lượng theo GPLHSP	Dạng bào chế theo GPLHSP	Đường dùng theo GPLHSP	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Hạn dùng (tuổi thọ)	Số GPLHSP hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm TCKT	Đơn giá (có VAT)	Giá trúng thầu trong vòng 12 tháng (QĐ; ngày qđ; tên Đơn vị trúng thầu)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

.....ngày tháng năm
Đại diện đơn vị cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

(Kèm theo Thông báo số 739 /TB-YHCT ngày 16 tháng 12 năm 2025 của
Bệnh viện YHCT Thái Nguyên)

vi.....

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: / , ngày tháng năm 20

1. Thông tin, tài liệu tham dự xét chọn chính xác, đúng quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hay hồ sơ gia hạn

4. Bảo quản và phân phối thuốc đảm bảo đúng yêu cầu quy định về GSP, GDP trong

suốt quá trình vận chuyển tới kho của các cơ sở y tế trên địa bàn cả nước.

5. Về hạn sử dụng của thuốc tại thời điểm giao hàng:

Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. *Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Bệnh viện quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế, phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân.*

6. Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã chào hàng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời hàng, đơn vị ký hợp đồng hay cơ sở y tế và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho đơn vị, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

7. Điều chỉnh hạ giá đề đảm bảo:

- Giá bán thuốc không cao hơn giá trúng thầu của thuốc trên địa bàn; không cao hơn giá thuốc trúng thầu tập trung quốc gia và tập trung tại địa phương tại cùng thời điểm.

Đại diện hợp pháp của đơn vị cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]